

Bản án số: 10/2019/HS-ST
Ngày 17/6/2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LT, TỈNH HÒA BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Lan Hương.

Các Hội thẩm nhân dân: - Ông Đinh Công Thuyết.

- Bà Nguyễn Thị Khánh.

Thư ký phiên tòa: Ông Thái Hùng Dũng – Thư ký tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện LT, tỉnh Hòa Bình tham gia phiên tòa: ông Đinh Thế Huy - Kiểm sát viên.

Trong ngày 17 tháng 6 năm 2019, tại Hội trường xét xử - Tòa án nhân dân (TAND) huyện LT, tỉnh Hòa Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 09/2019/TLST-HS ngày 10 tháng 05 năm 2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2019/QĐXXST-HS ngày 04 tháng 6 năm 2019 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: Phạm Hồng Q; sinh ngày: 23/10/1986; giới tính: nam; tên gọi khác: không; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú (HKTT): thôn LH2, xã KD, huyện LT, tỉnh Hoà Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; trình độ học vấn: 12/12; con ông Phạm Văn Q1, sinh năm 1963; con bà Hoàng Thị M, sinh năm 1966; vợ: Phạm Thị Bích Hồng, sinh năm 1984; có một con trai sinh năm 2008; đều có HKTT: Thôn LH2, xã KD, huyện LT, tỉnh Hoà Bình.

Tiền sự: không.

Tiền án: bị cáo có 01 (một) tiền án, ngày 28/10/2016, bị TAND huyện LT, tỉnh Hòa Bình xử phạt 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội “Đánh bạc”, thời gian thử thách 18 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, từ ngày 11/02/2019 đến ngày 20/02/2019 (tổng cộng 09 ngày), được tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

2. Họ và tên: Phạm Thái S; sinh ngày: 22/12/1983; giới tính: nam; tên gọi khác: không; HKTT: thôn HP3, xã YB, huyện LT, tỉnh Hoà Bình; nghề nghiệp: lao động tự do; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; trình độ học vấn: 07/12; con ông Phạm Văn Tr, sinh năm 1960; con bà: Dương Thị L, sinh năm: 1958; vợ: Trần Thị H, sinh năm 1984; có 3 con: con lớn nhất sinh năm 2006, con nhỏ nhất sinh năm 2014; cùng có HKTT: Thôn HP, xã YB, huyện LT, tỉnh Hoà Bình.

Tiền sự: không.

Tiền án: bị cáo có 01 (một) tiền án, ngày 20/7/2016 bị TAND thành phố PL, tỉnh Hà Nam xử phạt 24 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, thời hạn tù tính từ ngày 20/01/2016, chấp hành xong án phạt tù ngày 20/11/2017.

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 11/02/2019 đến ngày 20/02/2019 (tổng cộng 09 ngày) được tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

3. Họ và tên: Đinh Văn T; sinh ngày: 06/7/1974; giới tính: nam; tên gọi khác: không; HKTT: thôn HP, xã YB, huyện LT, tỉnh Hoà Bình; nghề nghiệp: lao động tự do; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: không; trình độ học vấn: 09/12; con ông Đinh Khắc H1 (đã chết); con bà Bùi Thị L1, sinh năm 1931; vợ: Quách Thị H2, sinh năm 1977; có hai con, con lớn nhất sinh năm: 2001, con nhỏ nhất sinh năm 2015, đều có HKTT: Thôn HP, xã YB, huyện LT, tỉnh Hoà Bình.

Tiền sự: không;

Tiền án: không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, từ ngày 11/02/2019 đến ngày 20/02/2019 (Tổng cộng 09 ngày), được tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

4. Họ và tên: Phạm Anh T1; sinh ngày: 26/12/1986; giới tính: nam; Tên gọi khác: không; HKTT: thôn HP 2, xã YB, huyện LT, tỉnh Hoà Bình; Nghề nghiệp: lao động tự do; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Mường. Tôn giáo: không; Trình độ học vấn: 12/12; con ông Phạm Văn Đ, sinh năm 1960; con bà Bùi Thị Hồng H3, sinh năm 1963; vợ: Nguyễn Thị Thu N, sinh năm 1989; có hai con, con lớn nhất sinh năm 2014, con nhỏ nhất sinh năm 2018; đều có HKTT thôn HP 2, xã YB, huyện LT, tỉnh Hoà Bình.

Tiền sự: không;

Tiền án: không;

Bị cáo bị bắt tạm giữ, từ ngày 11/02/2019 đến ngày 20/02/2019 (tổng cộng 09 ngày), được tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

*** Người tham gia tố tụng khác:**

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Anh Trần Văn T2, sinh năm 1983;

HKTT: LS, KD, LT, Hoà Bình (có mặt).

+ Chị Nguyễn Thị Thu N, sinh năm 1989;

HKTT: HP, YB, LT, Hoà Bình (có mặt).

- Người làm chứng:

Anh Nguyễn Thế N1, sinh năm 1992;

HkTT: HP, YB, LT, Hoà Bình (vắng mặt).

- Người chứng kiến:

+ Ông Bùi Trọng T3, sinh năm 1979 (vắng mặt).

+ Ông Phạm Văn C, sinh năm 1961(có mặt).

Cùng HKTT: HP, YB, LT, Hoà Bình.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa - nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 09 giờ 00 phút ngày 11/02/2019, Phạm Hồng Q, ở nhà mình điện thoại cho Phạm Thái S, Phạm Anh T1 rủ đi đánh bạc, S và T1 đồng ý. Q lấy bộ bài tú lơ khơ 52 (năm hai) quân cho vào túi quần rồi điện thoại cho Nguyễn Thế N1, nhờ N1 chở xuống YB có chút việc (không nói cho N1 biết là đi đánh bạc), N1 đồng ý. Lúc này Q đang ngồi trước cửa nhà mình thấy Phạm Anh T1 điều khiển xe mô tô đi qua, Q lấy điện thoại gọi hỏi T1: “ngồi ở đâu” thì T1 trả lời: “cứ xuống nhà anh T”. N1 đến, điều khiển xe mô tô chở Q xuống nhà Đinh Văn T rồi N1 về luôn. Q nói chuyện với T và điện thoại cho T1 và S xuống nhà T chơi bài, T không phản ứng gì; ít phút thấy Phạm Anh T1 điều khiển xe mô tô BKS số: 28L1 – 096.61 đến, ngồi uống nước cùng T và Q; đến khoảng 10 giờ 45 phút, Phạm Thái S điều khiển xe mô tô BKS số: 28L1- 014.38 đến, lúc này, Q bảo “vào chơi đi không muộn”. Đồng thời, T đi vào nhà lấy chiếu mang ra trải tại lán bếp nhà mình, còn T1 và S bế Q vào chỗ T đã trải chiếu (vì Q bị tật liệt hai chân nên không đi được). Cả bốn người ngồi theo vị trí: S ngồi quay lưng lại cửa ra vào, bên tay phải S là Q, tay trái S là T1, ngồi đối diện S là T. Q bỏ bộ bài tú lơ khơ 52 (năm hai) quân mang theo từ nhà ra chiếu, bốn người thống nhất đưa ra hình thức “chơi liêng”, đặt ra quy ước vào giữa (gà) tối thiểu 100.000đ (một trăm nghìn đồng) tối đa không quá 500.000đ (năm trăm nghìn đồng); cụ thể trong mỗi ván chơi, mỗi người bỏ 100.000đ (một trăm nghìn đồng) góp ra giữa rồi dùng bộ bài tú lơ khơ 52 (năm hai) quân chia cho mỗi người 03 (ba) quân bài, người chơi được xem bài trước, nếu “có nước” thì người chia bài đầu có quyền (tổ) trước theo chiều từ trái qua phải, người ngồi tiếp theo có quyền theo hoặc bỏ, nếu bỏ thì bị mất số tiền đã đặt cược ra giữa, còn theo thì phải bỏ số tiền tương ứng như người trước đã bỏ ra hoặc có quyền tổ thêm, là bỏ tiền vào giữa nhưng không quá 500.000đ (năm trăm nghìn đồng) cứ như thế đến khi nào những người chơi cân bằng được số tiền đã bỏ ra thì sẽ ngửa bài tính điểm, nếu ai có điểm bài cao hơn là thắng và được hưởng toàn bộ số tiền đặt ở giữa đồng thời được chia bài ván tiếp theo; đến khoảng 13 giờ 00 phút ngày 11/02/2019 thì cả nhóm 4 người “chơi liêng” bị Công an huyện LT phối hợp với Công an xã YB phát hiện, bắt quả tang và thu giữ các vật chứng tại hiện trường.

Vật chứng thu giữ gồm:

- Tiền Việt Nam 32.500.000đ (Ba mươi hai triệu năm trăm nghìn đồng).
- 01(một) bộ bài tú lơ khơ 52 quân.
- 01(một) chiếu nhựa màu xanh.
- 01 (một) điện thoại di động OPPO A39 màu trắng hồng của Đinh Văn T.
- 01(một) điện thoại di động OPPO F5 PLUS màu trắng hồng của Phạm Anh T1.
- 01(một) điện thoại di động OPPO màu đen của Phạm Thái S.
- 01(một) điện thoại di động SamSung màu trắng hồng của Phạm Hồng Q.
- 01(một) xe mô tô nhãn hiệu PIAGGIO VESPA màu nâu, Biển kiểm soát 28L1- 096. 61 do Phạm Anh T1 điều khiển đến đánh bạc.
- 01(một) xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA SIRIUS màu vàng - đen, Biển kiểm soát : 28L1- 014.83 do Phạm Thái S điều khiển đến đánh bạc.
- 01(một) giấy đăng ký mô tô, xe máy số 001428, Biển kiểm soát: 28L1-014.83 mang tên Trần Văn T2.

- 01(một) giấy đăng ký mô tô, xe máy số 003382, Biển kiểm soát 28L1- 096.61 mang tên Phạm Anh T1.

Quá trình điều tra xác định: việc Nguyễn Thế N1 là người điều khiển xe mô tô chở Phạm Hồng Q xuống nhà Đinh Văn T, không biết mục đích Q xuống nhà T là để đánh bạc;

Đối với chiếc điện thoại di động OPPO A39 màu trắng hồng, Đinh Văn T không sử dụng liên lạc vào việc đánh bạc. Cơ quan Cảnh sát điều tra (CSĐT) đã trả lại cho chủ sở hữu.

Cáo trạng số: 09/CT-VKS ngày 08/05/2019 của Viện kiểm sát nhân dân (VKSND) huyện LT truy tố Phạm Hồng Q, Phạm Thái S, Đinh Văn T, Phạm Anh T1 về tội “Đánh bạc” theo Khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 (BLHS).

*** Tại phiên tòa:**

- Bị cáo Phạm Hồng Q, Phạm Thái S, Đinh Văn T, Phạm Anh T1 thừa nhận hành vi đánh bạc như nội dung Cáo trạng truy tố.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, anh Trần Văn T2 trình bày: bị cáo S mượn xe mô tô 28L1- 014.83, anh không biết việc bị cáo S sử dụng xe đi đánh bạc; chị Nguyễn Thị Thu N trình bày chiếc xe là của chung vợ chồng, chị N không biết việc bị cáo Phạm Anh T1 sử dụng xe đi đánh bạc; xe mô tô là phương tiện đi làm của gia đình; anh Trần Văn T2, chị Nguyễn Thị Thu N đề nghị HĐXX trả lại tài sản cho gia đình anh Trần Văn T2, chị N.

- Đại diện Viện kiểm sát trình bày bản luận tội, giữ nguyên Quyết định truy tố đã truy tố; đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX):

+ Áp dụng: Khoản 1 Điều 321; điểm s, p Khoản 1, Khoản 2 Điều 51; điểm h Khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 17; Điều 58 – BLHS xử phạt bị cáo Q từ 12 đến 18 tháng tù.

+ Áp dụng: Khoản 1 Điều 321; điểm s Khoản 1, **Khoản 2** Điều 51; điểm h Khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 17; Điều 58 – BLHS xử phạt bị cáo S từ 09 đến 12 tháng tù.

+ Áp dụng: Khoản 1 Điều 321; điểm s, i Khoản 1, Khoản 2 Điều 51; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điều 17; Điều 58 – BLHS xử phạt tiền đối với bị cáo T, T1, mỗi bị cáo từ 20.000.000đ đến 25.000.000đ.

Về vật chứng: áp dụng Điều 47 BLHS; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự (TTHS):

+ Trả lại cho chủ sở hữu 01(một) xe mô tô nhãn hiệu PIAGGIO VESPA màu nâu, BKS số: 28L1-096.61 và một đăng ký của xe mang tên Phạm Anh T1; 01(một) xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA SIRIUS màu vàng đen, BKS số: 28L1- 014.83 và một đăng ký của xe mang tên Trần Văn T2.

+ Tịch thu xung công quỹ Nhà nước: 32.500.000 đồng; 01(một) điện thoại di động OPPO F5 PLUS màu trắng - hồng; 01(một) điện thoại di động OPPO màu đen; 01(một) điện thoại di động Sam Sung màu trắng hồng.

+ Án phí và quyền kháng cáo áp dụng theo quy định của pháp luật.

- Bị cáo Phạm Hồng Q, Phạm Thái S, Đinh Văn T, Phạm Anh T1 không có ý kiến tranh luận gì với đề nghị của VKSND; chỉ đề nghị HĐXX xem xét, áp dụng cho bị cáo mức hình phạt nhẹ nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, Quyết định tố tụng: Cơ quan CSĐT Công an huyện LT, Điều tra viên; VKSND huyện LT, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật TTHS. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, Quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, Người tiến hành tố tụng. Các hành vi, Quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, Người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng pháp.

[2]. Về tội danh, hình phạt: Tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, lời khai nhận tội của các bị cáo là khách quan, phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang, vật chứng thu giữ, lời khai của người làm chứng và những chứng cứ, tài liệu khác có trong hồ sơ. Như vậy, có đủ cơ sở khẳng định: khoảng 13 giờ 00 phút ngày 11/02/2019, tại nhà Đinh Văn T thuộc thôn HP, YB, LT, Hòa Bình; Phạm Hồng Q, Phạm Thái S, Đinh Văn T, Phạm Anh T1 có hành vi đánh bạc bằng hình thức “chơi liêng”, sát phạt nhau, được, thua bằng tiền thì bị Công an huyện LT phối hợp với Công an xã YB phát hiện bắt quả tang; tổng số tiền 04 bị cáo dùng vào việc đánh bạc là 32.500.000 đồng tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. Hành vi nêu trên của các bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội “Đánh bạc” được quy định tại khoản 1 Điều 321 BLHS. Bản cáo trạng của VKSND huyện LT truy tố các bị cáo với tội danh và đề nghị hình phạt nêu trên là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

Khoản 1 Điều 321 BLHS quy định: “*Người nào đánh bạc trái phép dưới bất kỳ hình thức nào được thua bằng tiền hay hiện vật trị giá từ 5.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng...thì bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm*”.

Các bị cáo là người có đủ năng lực hành vi, năng lực trách nhiệm hình sự (TNHS), thực hiện hành vi với lỗi cố ý. Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trật tự công cộng, gây mất trật tự trị an tại địa phương nên cần phải xử lý theo pháp luật hình sự.

Đây là vụ án đồng phạm, phân hóa vai trò của từng bị cáo thấy rằng:

- Bị cáo Phạm Hồng Q là người khởi xướng, rủ rê phạm tội, chuẩn bị quân bài; số tiền bỏ ra đánh bạc là 7.300.000đ; tình tiết tăng nặng TNHS: tái phạm theo điểm h Khoản 1 Điều 52 - BLHS; tình tiết giảm nhẹ TNHS: là người khuyết tật nặng đang hưởng trợ cấp xã hội theo Điểm p Khoản 1 Điều 51 – BLHS, thành khẩn khai báo, ăn năn, hối cải theo Điểm s Khoản 1 Điều 51- BLHS.

- Bị cáo Phạm Hồng S là đồng phạm; bỏ ra số tiền 5.000.000đ đánh bạc; tình tiết tăng nặng TNHS: tái phạm theo quy định tại điểm h Khoản 1 Điều 52 - BLHS tình tiết giảm nhẹ TNHS: thành khẩn khai báo, ăn năn, hối cải theo Điểm s Khoản 1

Điều 51 – BLHS, tình tiết giảm nhẹ TNHS khác: hoàn cảnh gia đình khó khăn, có 3 con còn nhỏ tuổi (Khoản 2 Điều 51 – BLHS).

Hai bị cáo Q và S về nhân thân đã có tiền án, chưa được xóa án tích nhưng không chịu rèn luyện tu dưỡng bản thân mà tiếp tục tái phạm nên cần phải áp dụng mức hình phạt nghiêm khắc cách ly khỏi đời sống xã hội một thời gian mới đủ để giáo dục, cải tạo các bị cáo trở thành công dân bình thường.

Xét vai trò của từng bị cáo như nêu trên, HĐXX thấy bị cáo Q phải chịu mức hình phạt cao hơn bị cáo S là thỏa đáng.

- Bị cáo Đinh Văn T, địa điểm đánh bạc ở nhà bị cáo T, bản thân bị cáo cũng đồng phạm, bỏ ra số tiền 6.000.000đ đánh bạc; bị cáo không có tình tiết tăng nặng TNHS; có 02 tình tiết giảm nhẹ TNHS: phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng theo Điểm i Khoản 1 Điều 51- BLHS; thành khẩn khai báo, ăn năn, hối cải theo điểm s Khoản 1 Điều 51; tình tiết giảm nhẹ TNHS khác theo quy định tại khoản 2 Điều 51: mẹ của bị cáo tham gia dân công hỏa tuyến được tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng nhì.

- Bị cáo Phạm Anh T1 đồng phạm; bỏ ra số tiền đánh bạc 14.200.000đ: không có tình tiết tăng nặng TNHS; có 02 tình tiết giảm nhẹ TNHS: phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng theo Điểm i Khoản 1 Điều 51 – BLHS; thành khẩn khai báo, ăn năn, hối cải theo Điểm s Khoản 1 Điều 51 – BLHS; tình tiết giảm nhẹ TNHS khác theo quy định tại khoản 2 Điều 51: Ông nội của bị cáo được tặng thưởng Bằng khen và Huân, Huy chương kháng chiến hạng nhì.

Xét tính chất, mức độ phạm tội, nhân thân, các tình tiết giảm nhẹ TNHS của bị cáo T, T1 và quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 35, Khoản 1 Điều 321-BLHS, xét đề nghị của Đại diện VKSND huyện LT tại phiên tòa nên áp dụng cho bị cáo T, T1 hình phạt tiền với mức như nhau là phù hợp.

Về hình phạt bổ sung: Bị cáo Q là người khuyết tật, bị cáo S không có nghề nghiệp, thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền.

[3] Về xử lý vật chứng:

Xét chiếc xe mô tô nhãn hiệu PIAGGIO VESPA màu nâu, BKS số: 28L1-096.61 mang tên đăng ký là Phạm Anh T1 nhưng là tài sản chung của vợ chồng Phạm Anh T1 và chị Nguyễn Thị Thu N, việc T1 mang xe đi đánh bạc mà vợ không biết, chiếc xe là phương tiện đi làm của gia đình nên xét thấy cần trả lại xe máy và giấy tờ xe cho Phạm Anh T1 và chị Nguyễn Thị Thu N là phù hợp.

Xét chiếc xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA SIRIUS màu vàng - đen, BKS số: 28L1: 014.83 là tài sản của anh Trần Văn T2, việc Phạm Thái S đi xe đi đánh bạc anh Trần Văn T2 cũng không biết nên trả lại chiếc xe và giấy tờ đăng ký xe là phù hợp.

- Chiếc điện thoại OPPO A39 màu trắng hồng của Đinh Văn T, cơ quan CSĐT đã xử lý phù hợp, HĐXX không đề cập.

Đối với vật chứng là: số tiền các bị cáo sử dụng đánh bạc bị thu giữ quả tang 32.500.000đ; các phương tiện liên lạc sử dụng vào việc phạm tội gồm: 01 chiếc điện thoại OPPO F5 PLUS của Phạm Anh T1, 01 điện thoại OPPO màu đen của Phạm Thái S, 01 điện thoại Samsung màu trắng hồng của Phạm Hồng Q cần tịch thu sung công quỹ Nhà nước.

Đối với các vật chứng khác thu giữ quả tang khi các bị cáo đánh bạc, không còn giá trị sử dụng như: 52 quân bài, chiếu nhựa cần tịch thu tiêu hủy.

Phù hợp với quy định tại Điều 47 BLHS; Khoản 1, Điểm a, c Khoản 2, Điểm a Khoản 3 Điều 106 Bộ luật TTHS

[5] Về án phí: Bị cáo Phạm Hồng Q, Phạm Thái S, Đinh Văn T, Phạm Anh T1 phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 – Bộ luật TTHS và Điểm a Khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí và lệ phí Tòa án.

Quyền kháng cáo được tuyên theo quy định tại Điều 331 – Bộ luật TTHS 2015.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh và hình phạt:

- Tuyên bố Bị cáo Phạm Hồng Q, Phạm Thái S, Đinh Văn T, Phạm Anh T1 phạm tội “Đánh bạc”.

+ Áp dụng: Khoản 1 Điều 321; Điểm h Khoản 1 Điều 52; điểm p, s Khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 17; Điều 58 - BLHS xử phạt bị cáo Phạm Hồng Q 12 (mười hai) tháng tù; thời hạn tù được tính từ ngày bị cáo chấp hành hình phạt, được khấu trừ 09 (chín) ngày đã tạm giữ.

+ Áp dụng: Khoản 1 Điều 321; điểm h Khoản 1 Điều 52; điểm s Khoản 1, Điều 51, Khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 17; Điều 58 – BLHS xử phạt bị cáo Phạm Thái S 09 (chín) tháng tù; thời hạn tù được tính từ ngày bị cáo chấp hành hình phạt, được khấu trừ 09 (chín) ngày đã tạm giữ.

+ Áp dụng: Khoản 1 Điều 321; điểm s, i Khoản 1, Khoản 2 Điều 51; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điều 17; Điều 58 – BLHS xử phạt tiền đối với 02 bị cáo Phạm Anh T1 và Đinh Văn T, mỗi bị cáo 25.000.000đ, nộp ngân sách Nhà nước khi Bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về vật chứng:

Áp dụng Điều 47 BLHS; Khoản 1, Điểm a, c Khoản 2, Điểm a Khoản 3 Điều 106 BLTTHS:

- Tịch thu xung công quỹ Nhà nước: 32.500.000đ (ba mươi hai triệu năm trăm nghìn đồng); 01 chiếc điện thoại OPPO F5 PLUS của Phạm Anh T1, 01 điện thoại OPPO màu đen của Phạm Thái S, 01 điện thoại Samsung màu trắng hồng của Phạm Hồng Q.

- Tịch thu tiêu hủy: 52 quân bài, 01 chiếu nhựa.

- Trả lại cho Phạm Anh T1 và Nguyễn Thị Thu N 01(một) xe mô tô nhãn hiệu PIAGGIO VESPA màu nâu, BKS số: 28L1: 09661 và một đăng ký của xe mang tên Phạm Anh T1;

- Trả lại cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Trần Văn T2 01(một) xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA SIRIUS màu vàng - đen, BKS số: 28L1: 014.83 và một đăng ký của xe mang tên Trần Văn T2.

(Toàn bộ vật chứng có đặc điểm, tình trạng như trong biên bản giao nhận vật chứng và phiếu nhập kho NK000015 ngày 09/05/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện LT, tỉnh Hòa Bình).

3. Về án phí: áp dụng Khoản 2 Điều 136 – BLTTHS và Điểm a Khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí và lệ phí Tòa án; buộc bị cáo Phạm Hồng Q, Phạm Thái S, Đinh Văn T, Phạm Anh T1 mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; bị cáo Phạm Hồng Q, Phạm Thái S, Đinh Văn T, Phạm Anh T1 có quyền kháng cáo lên Tòa án dân tỉnh Hòa Bình để xin xét xử phúc thẩm. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được kháng cáo tương tự về những nội dung trực tiếp liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình.

Nơi nhận:

- VKSND huyện LT;
- TAND tỉnh HB;
- VKSND tỉnh HB;
- Công an huyện;
- Bị cáo; Người bị hại;
- Người có QL.NVLQ;
- Thi hành án HS;
- Chi cục Thi hành án DS LT;
- Sở tư pháp tỉnh HB;
- UBND xã KD;
- UBND xã YB;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Đinh Lan Hương